

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á khi nhà đầu tư lo ngại việc Trung Quốc tiến hành siết chặt hoạt động của nhiều lĩnh vực

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm mạnh vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DVP, BSR

[Ví mô/Chiến lược]

HNHN điều chỉnh giảm tỷ giá USD/VND mua giao ngay

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần nhỏ tỷ trọng trading T+ khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần bán quay vòng trung bình giá vốn sau đó hoặc kết hợp tái cơ cấu danh mục cho các vị thế trung hạn còn nắm giữ

12/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,353.05	-0.35
VN30	1,477.06	-0.73
HĐTL VN30F1M	1,477.10	-0.60
HNXIndex	334.33	-0.03
HNX30	551.44	+0.00
UPCoM	91.98	-0.03
USD/VND	22,805	-0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	-4
Lãi suất qua đêm (%)	0.80	+7
Dầu (WTI, \$)	69.31	+0.09
Vàng (LME, \$)	1,756.40	+0.27

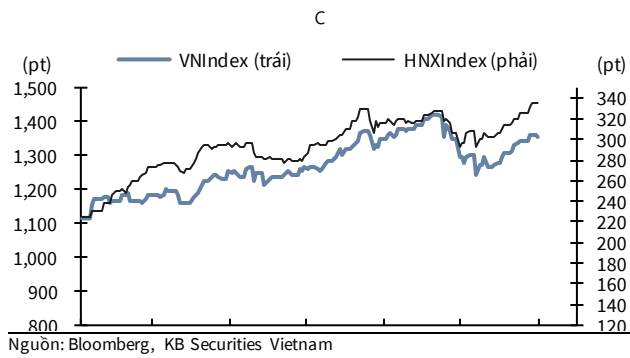


Điểm nhấn thị trường

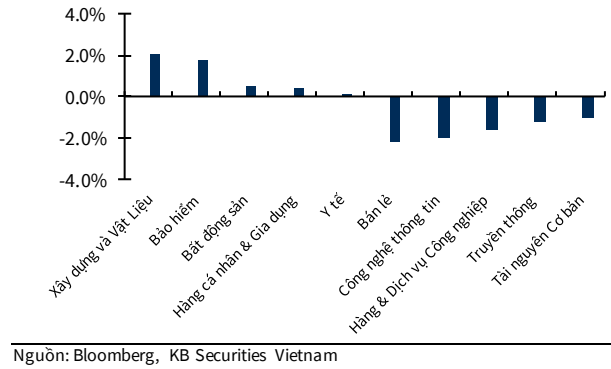
VNIndex	1,353.05 (-0.35%)
KLGD (triệu CP)	741.6 (-1.2%)
GTGD (triệu US\$)	994.7 (-13.6%)
HNXIndex	334.33 (-0.03%)
KLGD (triệu CP)	154.3 (+2.0%)
GTGD (triệu US\$)	144.7 (-2.8%)
UPCoM	91.98 (-0.03%)
KLGD (triệu CP)	85.1 (-22.5%)
GTGD (triệu US\$)	71.6 (+0.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-6.3

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á khi nhà đầu tư lo ngại việc Trung Quốc tiến hành siết chặt hoạt động của nhiều lĩnh vực, gồm có công nghệ, thực phẩm, dược phẩm và giáo dục tư nhân... Theo Unica, vụ mía ở Brazil bị thiệt hại nặng vì những đợt sương giá khắc nghiệt bất thường trong tháng 6 và 7 đã đẩy giá đường thế giới lên cao nhất trong 4 năm qua, giá cổ phiếu ngành đường tăng ở LSS (+4.5%), QNS (0.6%). Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết nếu không gỡ được thẻ vàng IUU của Ủy ban Châu Âu, trái lại bị cảnh báo thêm thẻ đỏ ngành thủy sản Việt Nam sẽ tổn thất 480 triệu USD mỗi năm, khiến giá cổ phiếu thủy sản giảm ở ANV (-0.3%), SEA (-0.4%). Giá dầu thế giới giảm sau khi Chính phủ Mỹ cho biết sẽ kêu gọi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh, tăng sản lượng dầu nhằm hạn chế giá xăng dầu tăng, khiến giá cổ phiếu dầu khí giảm ở GAS (-1%), PVS (-0.7%). NĐTNN bán ròng ở VHM (-0.4%), VRE (0%), SSI (0%).

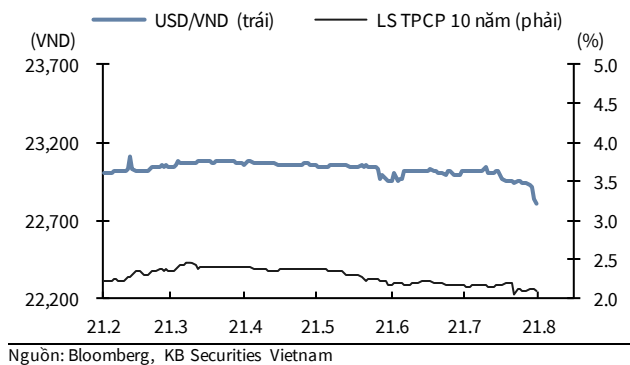
VNIndex & HNXIndex



Biến động nhóm ngành



USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

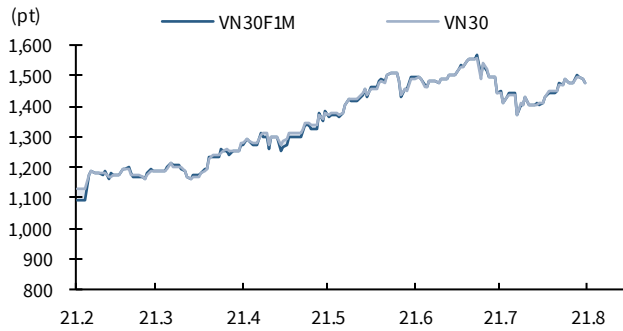


Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,477.06 (-0.73%)
VN30F1M	1,477.1 (-0.60%)
Mở cửa	1,486.9
Cao nhất	1,493.0
Thấp nhất	1,472.4
KLGD (HĐ)	274,442 (+11.1%)

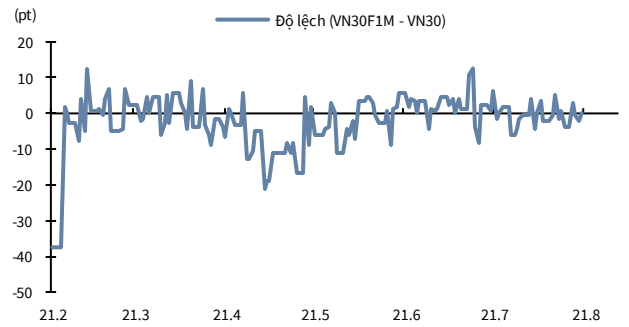
Các HĐTL đồng loạt giảm điểm mạnh vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và chỉ số VN30 chủ yếu duy trì ở mức âm trong phiên giao dịch với biên độ từ -6.1 đến 2.3 điểm trước tâm lý thận trọng của bên mua khi rủi ro dịch bệnh vẫn hiện hữu. Khối ngoại bán ròng trong phiên với thanh khoản tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



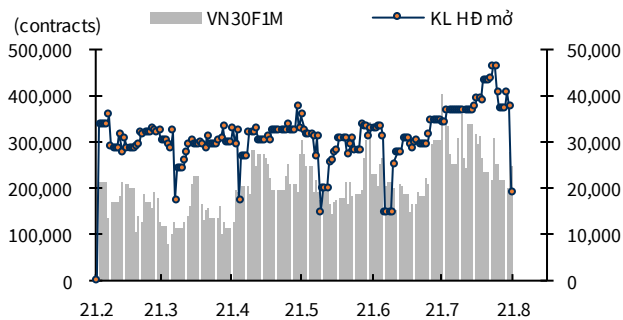
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



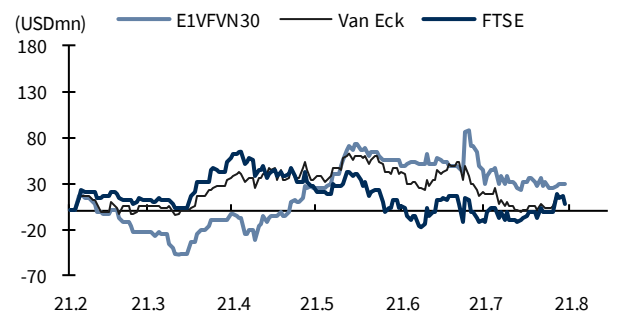
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

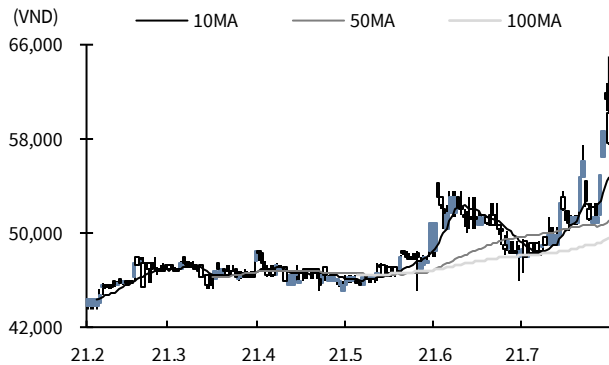
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Cảng Đình Vũ (DVP)

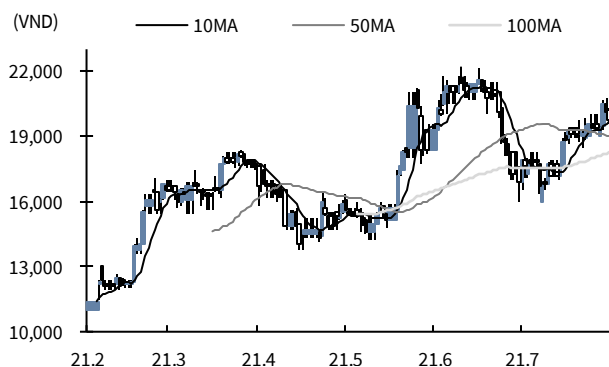


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DVP giảm 6% xuống 57,700 VNĐ/cp

- Cảng Đình Vũ thông báo đặt kế hoạch quý III lợi nhuận mục tiêu giảm 41% QoQ và kế hoạch sản lượng teu qua cảng giảm 8% QoQ.
- 6 tháng đầu năm, container qua Cảng Đình Vũ đạt 308,645 teu tăng 21% YoY.

CTCP Lọc Hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 3.4% xuống 19,700 VNĐ/cp

- Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cho biết đã triển khai giảm công suất nhà máy xuống còn 90% từ ngày 3/8, tiến hành gửi kho 25,000 m3 xăng 95 và đang lên kế hoạch gửi thêm khoảng 100,000-120,000 m3 để đảm bảo duy trì vận hành nhà máy khi đối diện rủi ro không còn sức chứa vì nhu cầu giảm đột ngột

11/08/2021

Chuyên viên phân tích vĩ mô
Lê Hạnh Quyên
quyenlh@kbsec.com.vn

NHNN điều chỉnh giảm tỷ giá USD/VND mua giao ngay

Thay đổi sau khi Mỹ và Việt Nam đạt được một thỏa thuận liên quan tới việc đánh giá Việt Nam thao túng tiền tệ

NHNN có quyết định hạ giá mua vào USD trên Sở Giao dịch NHNN và thay đổi phương thức mua kỳ hạn sang giao ngay.

- Theo thông báo từ NHNN, bắt đầu từ ngày 11/08/2021, giá mua vào USD trên Sở Giao dịch NHNN và giá thực hiện cho hợp đồng USD giao ngay (ngừng mua ngoại tệ kỳ hạn) là 22,750 đồng, giảm 255 đồng so với trước đó (23,975 đồng). Đầu tháng 6/2021, NHNN cũng đã tiến hành điều chỉnh giảm giá mua ngoại tệ xuống còn 22,975 đồng (giảm 50 đồng so với phiên hôm trước).
- Tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng giữ nguyên trong ngày 11/8 ở mức 22,949. Tỷ giá USD/VND niêm yết của các NHTM đã điều chỉnh giảm 100đ ở cả 2 chiều mua bán so với phiên trước, xuống mức 22,670/22,900. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở mức 23,900. Nhìn chung, cung - cầu ngoại tệ trong nước vẫn khá cân bằng.

Một số hàm ý được rút ra từ hành động của NHNN

- Tính từ lần điều chỉnh trước vào đầu tháng 6, tỷ giá liên ngân hàng đã giảm mạnh xấp xỉ 1% tương ứng 208 đồng nhờ nguồn cung ngoại tệ dồi dào. Theo đó, việc NHNN hạ tỷ giá mua vào ngoại tệ là sự điều chỉnh phù hợp với diễn biến tỷ giá cũng như cung cầu ngoại tệ trên thị trường.
- Trong bối cảnh Việt Nam và Mỹ đã đạt được những bước tiến tích cực trong vấn đề “thao túng tiền tệ”, NHNN đã ngưng hoạt động mua ngoại tệ kỳ hạn, quay trở lại sử dụng công cụ mua giao ngay để có thể tác động tức thời và hiệu quả lên thị trường tiền tệ, như ổn định tỷ giá, hỗ trợ thanh khoản, bình ổn lãi suất liên ngân hàng, tạo điều kiện cho các NHTM hạ lãi suất.
- Với việc Việt Nam đã thành công trong việc đàm phán với Mỹ để không bị gắn mác thao túng tiền tệ nhờ những lý do chính đáng và cần thiết để xây dựng dự trữ ngoại hối, chúng tôi cho rằng nhiều khả năng NHNN sẽ tích cực hoạt động mua vào ngoại tệ trong thời gian tới, thay vì dè dặt như trong 7 tháng đầu năm (chỉ mua vào khoảng 7-8 tỷ USD). Điều này có thể giúp tỷ giá USD/VND tăng trở lại, giúp giảm tải khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



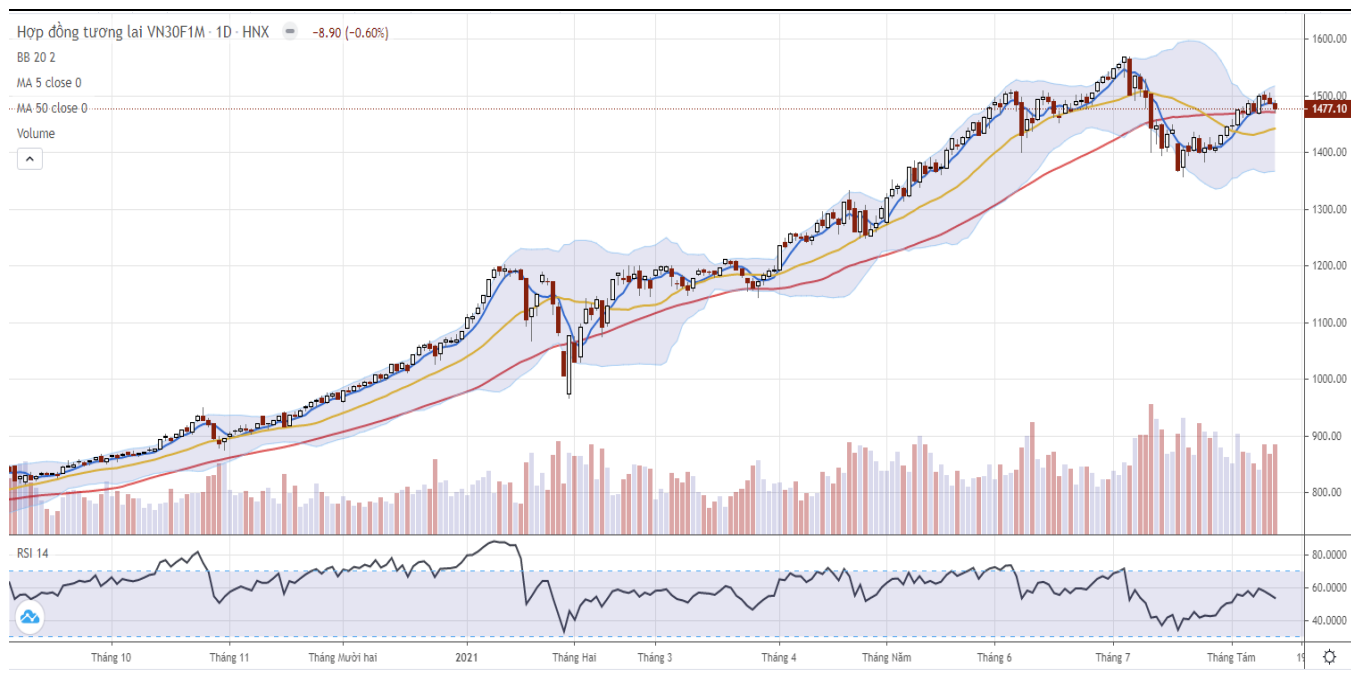
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên sáng, VNINDEX tiếp tục suy yếu với đà giảm dần mở rộng về cuối phiên.
- Việc khối lượng giao dịch có phần gia tăng mạnh hơn tại các nhịp giảm trong phiên cho thấy áp lực phân phối chưa dừng lại và rủi ro điều chỉnh tiếp tục hiện hữu. Điểm tích cực là chỉ số đã về sát vùng hỗ trợ 134x, mang lại cơ hội sớm xuất hiện nhịp hồi phục trở lại, tuy nhiên tín hiệu này hiện mới chỉ mang hàm ý T+.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần nhỏ tỷ trọng trading T+ khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần bán quay vòng trung bình giá vốn sau đó hoặc kết hợp tái cơ cấu danh mục cho các vị thế trung hạn còn nắm giữ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1496 - 1500

Kháng cự gần: 1487 - 1491

Hỗ trợ gần: 1472 - 1475

Hỗ trợ xa: 1462 - 1466

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên sáng, F1 tiếp tục suy yếu với đà giảm dần mở rộng về cuối phiên.
- Việc KLGD gia tăng mạnh hơn tại các nhịp giảm trong phiên cho thấy áp lực phân phối chưa dừng lại. Điểm tích cực là chỉ số đã nhúng sâu xuống vùng hỗ trợ 147x, mang lại cơ hội xuất hiện nhịp hồi phục, tuy nhiên tín hiệu này hiện mới chỉ mang hàm ý T+.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ hoặc gia tăng vị thế SHORT tại vùng kháng cự xa, nhưng đặt dừng lỗ nếu F1 vượt vùng kháng cự xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

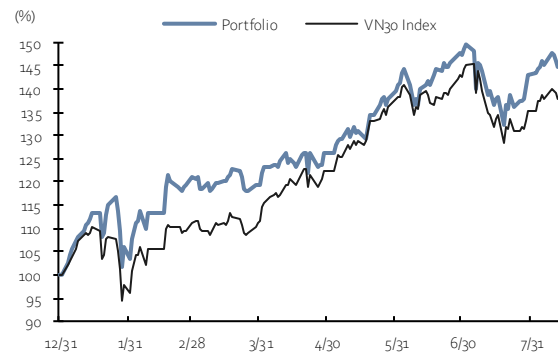
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.73%	-0.87%
Tăng lũy kế (YTD)	37.94%	44.68%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	170,000	-2.9%	46.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	42,500	-0.1%	73.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,500	-0.9%	23.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,500	-0.7%	134.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,700	-1.2%	63.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,800	-2.4%	222.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,400	0.3%	82.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,500	-1.0%	28.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	48,400	-1.1%	234.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	34,900	1.5%	154.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	-0.8%	17.5%	55.0
GMD	-2.3%	42.1%	45.7
CTG	0.3%	24.5%	29.4
VCB	-0.6%	23.6%	28.4
DIG	6.4%	1.9%	18.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.4%	55.0%	-55.5
VRE	0.0%	30.3%	-55.4
SSI	0.0%	50.6%	-50.7
PC1	3.8%	9.9%	-41.2
VIC	0.1%	15.1%	-39.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.4%	9.0%	12.4
PAN	7.3%	34.2%	6.4
DXS	0.0%	18.9%	4.3
PSD	2.1%	0.4%	2.7
BCC	9.8%	2.2%	2.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-0.8%	18.9%	-16.9
CDN	-2.6%	21.7%	-10.6
NBP	0.0%	3.1%	-3.2
BSI	4.4%	2.5%	-0.9
PVS	-0.8%	7.7%	-5.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	7.4%	VGC, VCG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.1%	GEX, REE
Bảo hiểm	3.4%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.5%	TCM, TLG
Thực phẩm và đồ uống	1.8%	VNM, SBT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	-2.4%	FPT, CMG
Truyền thông	-1.4%	ADG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%	HPG, HSG
Ngân hàng	-0.6%	STB, ACB
Bán lẻ	-0.5%	MWG, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	15.2%	GVR, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.2%	GMD, LGC
Xây dựng và Vật Liệu	11.1%	VGC, HT1
Bảo hiểm	10.9%	BVH, BIC
Công nghệ thông tin	10.0%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-0.2%	VCB, VIB
Truyền thông	2.8%	PNC, ADG
Y tế	3.6%	IMP, DCL
Bán lẻ	3.6%	PSH, ABS
Dầu khí	3.8%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	268,669 (11.7)	22.5	60.3	59.5	14.7	9.3	8.2	4.2	3.8	0.1	-2.5	6.8	2.7
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	547,993 (23.9)	26.6	12.6	11.2	35.9	31.9	27.6	3.4	2.7	0.9	4.7	8.3	30.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	133,252 (5.8)	17.8	26.4	19.5	-7.6	7.5	10.0	2.1	1.9	0.0	0.2	3.7	-10.8
	NVL	NO VALAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	286,887 (12.5)	31.3	35.7	28.3	6.7	16.2	13.0	4.4	4.3	-0.3	-4.1	-1.4	115.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	199,133 (8.7)	11.6	20.9	15.2	18.0	14.0	16.7	2.7	2.3	0.9	-1.5	11.6	51.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	120,709 (5.3)	13.9	13.4	8.0	-	14.0	18.2	1.5	1.3	2.3	0.2	3.2	42.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	158,474 (6.9)	6.3	16.4	13.9	11.7	21.7	21.4	3.2	2.6	-0.6	0.5	-6.7	2.0
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	83,026 (3.6)	12.7	18.2	13.3	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.7	-0.7	-0.3	1.9	-10.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	916,961 (39.9)	0.0	11.1	9.4	14.3	20.0	19.3	2.0	1.7	-0.6	-1.0	-2.8	65.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	525,072 (22.9)	1.4	9.0	7.5	61.1	19.6	20.0	2.0	1.7	0.3	0.6	-1.7	28.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	694,387 (30.2)	0.0	9.3	10.4	18.8	25.1	17.8	1.9	1.6	1.1	0.2	-3.3	90.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	420,044 (18.3)	0.0	10.0	8.5	14.6	21.7	21.0	1.8	1.5	-0.7	-1.7	-1.0	74.8
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	98,083 (4.3)	4.2	10.2	8.5	23.3	21.2	20.1	1.9	1.6	-1.1	-1.3	3.7	47.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	789,063 (34.4)	14.0	22.7	15.3	26.5	8.9	11.8	1.8	1.6	-2.6	-4.7	4.2	75.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	197,914 (8.6)	0.0	8.4	6.9	37.5	22.2	21.5	1.7	1.3	-1.6	1.4	3.9	35.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	12,681 (0.6)	0.2	38.6	21.0	27.3	5.8	10.0	1.9	1.8	0.2	-3.1	-7.3	38.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	44,382 (1.9)	21.0	23.9	21.2	15.2	8.4	9.0	1.9	1.8	2.0	3.2	9.9	-16.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	31,204 (1.4)	14.2	15.0	15.3	9.1	11.4	11.7	1.6	1.5	-2.6	-0.7	10.4	35.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	740,054 (32.2)	55.4	28.8	23.4	-3.2	14.1	14.5	4.2	3.9	0.0	0.3	16.6	74.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	244,176 (10.6)	71.9	18.0	13.2	-4.0	22.5	25.3	3.6	3.1	0.2	-1.1	7.2	89.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	265,329 (11.6)	52.4	20.4	15.5	-25.5	19.1	21.4	3.4	3.1	-0.4	0.6	13.5	61.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	405,433 (17.7)	27.2	10.9	18.4	36.3	21.3	17.0	3.6	3.3	-0.8	-3.1	31.2	164.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	281,527 (12.3)	42.1	18.7	17.4	4.0	32.6	33.6	5.8	5.5	-0.4	4.5	4.9	-16.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,344 (1.1)	36.9	19.6	17.0	7.3	24.2	24.4	4.3	3.8	-0.7	-1.7	-3.6	-21.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	182,082 (7.9)	16.5	51.9	31.8	-51.9	13.6	19.0	7.9	6.2	-1.9	-0.7	11.8	50.7
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	69,278 (3.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-1.9	11.9	-47.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,934 (2.9)	11.0	158.3	24.2	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	0.0	1.9	-1.1	-5.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	173,357 (7.6)	10.8	28.6	20.3	-57.0	8.4	11.8	2.3	2.2	-2.3	2.0	24.5	48.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	32,121 (1.4)	38.4	14.3	8.6	65.7	11.1	9.9	1.1	1.0	6.7	9.0	13.8	-15.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	59,478 (2.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.4	-0.9	11.8	113.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	112,712 (4.9)	37.7	17.2	11.9	-12.7	12.7	13.8	-	-	-2.0	6.2	8.8	34.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	22,528 (1.0)	3.6	18.2	12.9	-52.4	3.5	4.7	0.6	0.6	3.2	7.1	9.8	-12.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	28,632 (1.2)	0.0	10.4	9.2	-4.5	13.6	14.0	1.3	1.3	-1.2	3.1	6.5	13.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	72,564 (3.2)	46.1	18.8	16.1	-17.5	19.2	20.4	3.4	3.1	-1.0	0.7	7.4	9.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,278 (0.3)	31.4	14.8	9.6	-10.5	9.1	14.1	1.3	1.3	0.3	0.5	1.6	-22.0
	PPC	PHALAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,355 (0.2)	34.1	13.1	10.5	-5.1	9.9	13.3	1.4	1.4	-2.1	0.7	-3.3	-5.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,223,020 (53.2)	18.0	7.5	7.3	21.9	38.3	28.5	2.3	1.8	-1.1	-0.8	7.7	57.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	113,331 (4.9)	36.5	15.5	19.8	-0.5	11.5	7.9	1.5	1.4	-6.7	12.8	64.1	72.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	108,268 (4.7)	46.5	19.5	20.1	-4.5	10.1	9.1	1.8	1.7	-6.8	2.3	37.5	57.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	431,733 (18.8)	38.9	4.7	6.8	67.9	37.6	24.5	1.8	1.4	-1.8	-2.7	13.8	86.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	93,531 (4.1)	97.2	10.5	10.7	17.2	10.3	9.9	1.0	1.0	1.5	4.9	12.0	19.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	75,315 (3.3)	4.6	19.2	16.2	-51.0	16.2	16.6	2.7	2.7	-0.7	1.1	6.7	-2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	107,582 (4.7)	39.9	51.2	17.6	-11.9	1.1	3.3	0.6	0.6	0.0	4.8	3.4	21.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	64,828 (2.8)	35.9	9.6	9.1	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	0.5	7.0	16.1	47.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	183,111 (8.0)	0.0	16.2	13.3	13.7	26.1	26.4	4.0	3.4	-2.9	-1.7	-3.7	43.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	55,456 (2.4)	0.0	16.9	13.5	2.4	23.4	24.0	3.5	3.0	-0.9	-1.4	-7.4	16.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,655 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.4	3.4	0.9	-63.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	125,666 (5.5)	30.3	32.6	21.4	-75.2	8.1	11.8	2.6	2.4	-1.7	9.2	35.3	27.5
	PHR	PHUOCHOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,872 (1.3)	34.6	9.4	13.1	41.2	22.2	21.9	2.1	2.2	1.3	7.0	11.6	-14.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,002 (0.0)	45.4	16.8	15.5	10.7	20.3	20.3	3.2	2.9	-0.2	-0.9	2.2	-9.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	014 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	0.6	10.5
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	352,898 (15.4)	0.0	20.6	17.1	15.6	25.0	25.9	4.6	4.0	-2.4	-2.9	8.9	82.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.